TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST Ngày 22-9-2022 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thiều Thị Tr, sinh năm 1989; Thường trú: Tổ B, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà H đường C, Tổ B, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị Tr có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thiều Thị Tr trình bày:

Chị Tr và anh Nguyễn Huy T tìm hiểu nhau gần 02 năm thì năm 2007 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/07 ngày 05/9/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ở tại nhà cha mẹ chị Tr tại Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên được 02 năm thì về Tổ B, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận sinh sống và làm ăn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, phong cách sống, về

kinh tế trong gia đình, nên không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh T không làm việc để kiếm tiền lo cho gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 10/2020, chị Tr cùng các con về nhà cha mẹ chị Tr tại Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Khi chị Tr mới về nhà cha mẹ ruột, anh T có 01 lần ra nhà để nói chị Tr quay về chung sống nhưng chị Tr không đồng ý.

Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Tr1, sinh ngày 08/3/2008 và Nguyễn Thị Hoài Tr2, sinh ngày 25/11/2011. Chị Tr không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Huy T đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 02/8/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Thiều Thị Tr và anh Nguyễn Huy T tại địa phương và được cung cấp: Chị Thiều Thị Tr và anh Nguyễn Huy T là vợ chồng trước đây có sống chung tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian sống chung, địa phương có nghe thông tin anh T uống rượu về nhà say sỉn nên vợ chồng có mâu thuẫn. Chị Tr đã bỏ đi nơi khác sinh sống, anh T vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2007, chị Tr, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Tr, anh T đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng không còn yêu thương, không cùng tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr cùng các con đã về nhà cha mẹ ruột tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên

sinh sống từ tháng 10/2020 đến nay, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm và cùng nhau chăm sóc con chung. Anh T được Tòa án mời làm việc nhưng không tham gia, không quan tâm đến việc chị Tr khởi kiện, nay chị Tr yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Tr1, sinh ngày 08/3/2008 và Nguyễn Thị Hoài Tr2, sinh ngày 25/11/2011, chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có cơ sở; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/9/2022 và ngày 22/9/2022 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Thị Tr và anh Nguyễn Huy T tìm hiểu nhau gần 02 năm thì năm 2007 tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/07 ngày 05/9/2007, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Thiều Thị Tr cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, phong cách sống, về kinh tế trong gia đình, nên không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh T không làm việc để kiếm tiền lo cho gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 10/2020, chị Tr cùng các con về nhà cha mẹ chị Tr tại Thôn S, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Khi chị Tr mới về nhà cha mẹ ruột, anh T có 01 lần ra nhà để nói chị Tr quay về chung sống nhưng chị Tr không đồng ý. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Huy T đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không có mặt. Bên cạnh đó, chị Thiều Thị Tr cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Huy T. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Huy T bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Tr và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Thiều Thị Tr.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Tr1, sinh ngày 08/3/2008 và Nguyễn Thị Hoài Tr2, sinh ngày 25/11/2011. Chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết là có cơ sở.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Thiều Thị Tr đối với anh Nguyễn Huy T. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thiều Thị Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thiều Thị Tr đối với anh Nguyễn Huy T về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Tr1, sinh ngày 08/3/2008 và Nguyễn Thị Hoài Tr2, sinh ngày 25/11/2011, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Thiều Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012278 ngày 20/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Thiều Thị Tr đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung